

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 41/2019/DS-ST

Ngày: 23 - 9 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Nguyễn Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: KA, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Khru Thùy T (vắng mặt).

Địa chỉ: KA, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Vào ngày 26/4/2015 (âm lịch), bà có cho bà Khru Thùy T vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là một tháng, khi vay tiền có làm biên nhận. Khi hết thời hạn vay, bà có đến gặp bà T đòi nợ nhưng bà T chỉ trả tiền lãi cho bà được 1.500.000 đồng, từ đó tới nay bà T không trả tiền vốn và lãi cho bà. Bà khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả nợ cho bà tiền vay 30.000.000 đồng và lãi suất với mức lãi 5%/tháng kể từ ngày 26/4/2015 (âm lịch) đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà N thay đổi một phần khởi kiện là yêu cầu bà T trả tiền lãi cho bà theo mức lãi suất quy định của pháp luật, còn các nội dung khác bà vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện như trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu bà Khưu Thùy T trả nợ tiền vay. Từ nội dung khởi kiện đã nêu, có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện giao dịch vay tiền giữa bà N và bà T là thực tế có diễn ra. Điều này đã được thể hiện tại biên nhận vay tiền ngày 26/4/2015 (âm lịch) do bà N cung cấp. Về nội dung biên nhận thể hiện vào ngày 26/4/2015 (âm lịch) bà T có hỏi vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng, biên nhận có bút tích chữ ký và ghi họ tên của bà T. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ, nhưng bà T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Từ những căn cứ đã nêu, có cơ sở xác định bà T có vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ tiền vay là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi suất tiền vay, bà N cho bà T vay số tiền trên với mức lãi 5%/tháng, lãi suất mà hai bên thỏa thuận vượt mức lãi suất quy định pháp luật. Bởi lẽ, từ ngày 26/4/2015 (âm lịch) nhằm ngày 12/6/2015 (dương lịch) đến ngày 31/12/2016 (dương lịch), theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản 9%/năm, theo Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005 quy định mức lãi không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản, tương ứng với mức lãi là 13,5%/năm; từ ngày 01/01/2017 (dương lịch) đến nay, theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất không được vượt quá 20% của khoản tiền vay. Tại phiên tòa bà N yêu cầu tính lãi suất tiền vay theo quy định pháp luật, việc thay đổi yêu cầu tính lãi không vượt quá nội dung khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định nên được chấp nhận. Cụ thể, tiền lãi bà T phải trả cho bà N như sau: Từ ngày 26/4/2015 (âm lịch) nhằm ngày 12/6/2015 (dương lịch) đến ngày 31/12/2016 (dương lịch), tiền vay 30.000.000 đồng x 13,5%/năm x 01 năm 06 tháng 18 ngày = 6.277.000 đồng. Từ ngày 01/01/2017 (dương lịch) đến ngày 23/9/2019 (dương lịch), tiền vay 30.000.000 đồng x 20%/năm x 02 năm 8 tháng 21 ngày = 16.350.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi bà T phải trả cho bà N là 22.627.000 đồng. Đối trừ tiền lãi bà T đã trả cho bà N được 1.500.000 đồng, bà T còn phải trả tiền lãi cho bà N là 21.127.000 đồng.

[5] Tổng cộng tiền vay và tiền lãi bà T có nghĩa vụ trả nợ cho bà N với số tiền 51.127.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do khởi kiện của bà N được chấp nhận nên bà T phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch 5% đối với số tiền phải có nghĩa vụ là 2.556.000 đồng. Bà N không phải chịu án phí, ngày 02/4/2019 bà N nộp tạm ứng án phí số tiền 750.000 đồng được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của bà Trần Thị N yêu cầu bà Khuru Thùy T trả nợ tiền vay tại biên nhận ngày 26/4/2015 (âm lịch).

Buộc bà Khuru Thùy T có nghĩa vụ trả nợ tiền vay cho bà Trần Thị N tổng cộng vốn lãi là 51.127.000 đồng (Năm mươi một triệu một trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, bà Trần Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, bà Khuru Thùy T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền đã nêu thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Khuru Thùy T phải chịu 2.556.000 đồng. Bà Trần Thị N được nhận lại tiền nộp tạm ứng án phí 750.000 đồng theo biên lai thu số 0006059 ngày 02/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Khuru Thùy T vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHTB.

Bùi Văn Việt